

**TÒA ÁNNHÂN DÂN
HUYỆN LT
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày 19-7- 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁNNHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Sửu và bà Trần Thị Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Ngô Trường Út- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Triệu Đức Chính, sinh ngày 15/4/1998; nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định và bà Triệu Thị L; vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: 01

+ Bản án số 31/HS-ST ngày 21/4/2023 Tòa án nhân dân huyện LT xử phạt Chính 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 14/6/2023 chấp hành xong về án phí, ngày 09/01/2024 chấp hành xong hình phạt tù,

- Tiền sự: 03.

+ Quyết định số 11 ngày 17/8/2022, Công an xã V, huyện LT xử phạt vi phạm hành chính đối với Triệu Đức C về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, mức phạt 1.000.000đ (Chính chưa nộp phạt).

+ Quyết định số 13 ngày 22/9/2022, Công an xã V, huyện LT xử phạt vi phạm hành chính đối với Triệu Đức C về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, mức phạt 2.000.000đ (Chính chưa nộp phạt).

+ Quyết định số 171 ngày 13/10/2022, UBND xã V áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Triệu Đức C, thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 13/10/2022 đến ngày 13/01/2023. Hiện chưa được xóa tiền sự.

- Nhân thân:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 62 ngày 19/3/2019 của Công an huyện VT, xử phạt C 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 15/5/2019 C đã nộp phạt.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64 ngày 05/4/2019 của Công an huyện VT, xử phạt C 350.000đ về hành vi mua số lô, số đề. Ngày 07/5/2019 C đã nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2024 đến nay (có mặt).

* Bị hại:

- Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt)

- Anh Lê Thanh T1, sinh năm 1991; nơi cư trú: TDP P, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt)

- Anh Lê Văn T2, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn R, xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt)

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Quốc T3, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt)

- Anh Vũ Tiến D, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Nam, xã V, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Triệu Đức C, sinh năm 1998 ở thôn X, xã V, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định nên thường xuyên đi lang thang xem ai có tài sản sơ hở để lấy trộm đem bán lấy tiền mua ma túy để sử dụng. Trong khoảng thời gian từ ngày 23/3/2024 đến ngày 06/4/2024, C đã thực hiện 03 vụ trộm cắp trên địa bàn huyện LT, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 23/3/2024, C một mình đi bộ đến khu vực xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc để xem ai có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến khu vực thôn Đ, xã X thì nhìn thấy có một đám cưới nên C đi đến

gần cổng đám cưới này thì nhìn thấy có nhiều xe mô tô dựng ở đây nhưng không có ai trông giữ. C đi đến vị trí để chiếc xe mô tô BKS: 88D1-196.32 của ông Trần Ngọc T, SN 1971 ở thôn Đ, xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc và sử dụng 01 chiếc chìa khóa (dạng chìa khóa cửa, C nhét được ở đường) cắm vào ổ khóa để thử mở khóa điện thì mở được (do ổ khóa điện bị nhòn). Sau đó, C ngồi lên xe nổ máy phóng thẳng đến nhà anh Trần Quốc T3, sinh năm 1977, ở thôn T, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, khi đến nơi C nói với anh T3 đây là xe cũ của C mua từ lâu nay thừa không dùng đến nên bán chiếc xe mô tô này cho anh T3 thì anh T3 đồng ý và mua với giá 1.500.000 đồng. Sau đó C đã tiêu sài cá nhân hết số tiền này.

Ngày 30/5/2024, Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện LT ra Bản kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐG, kết luận: *Trị giá của chiếc xe mô tô BKS: 88D1-196.32 là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).*

Vụ thứ 2: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 01/4/2024, C đi bộ một mình đến khu vực quán internet M3 Gaming ở tổ dân phố T, thị trấn LT mục đích để trộm cắp xe máy của những người chơi ở quán. Khi đến gần cửa quán, C thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, BKS: 59D1-801.86, màu đen của anh Lê Thanh T1, sinh năm 1991 ở thị trấn LT, huyện LT dựng ở phía đầu dốc của quán game này, C quan sát xung quanh thấy không có ai nên đi đến vị trí để xe thì thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. Sau đó, C ngồi lên xe mở khóa điện và nổ máy phóng đi, khi đi đến xã V, C dừng xe mở cốp xe ra thấy trong cốp xe có 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Thanh T1 và 01 giấy đăng ký xe của chiếc xe vừa trộm cắp được, rồi Chính cất những giấy tờ này vào túi áo sau đó đi đến nhà anh Vũ Tiến D, sinh năm 1976 ở thôn N, xã V làm cửa hàng sửa chữa xe máy cũ, khi đến nơi thì C nói với anh D đây là xe cũ của Chính không dùng đến nên muốn bán thì anh D đồng ý mua với giá 4.000.000 đồng. Sau khi bán xe được tiền C đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 08/4/2024, Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện LT ra Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG kết luận: *Trị giá của chiếc xe mô tô BKS: 59D1 - 801.86 là 8.700.000đ (Tám triệu bảy trăm nghìn đồng).*

Vụ thứ 3: Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 06/4/2024, C đang đi bộ một mình ở đoạn đường bê tông liên thôn thuộc thôn R, xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc thì thấy chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Airblade, màu đỏ, BKS: 88K8 - 3383 của anh Lê Văn T2, sinh năm 1979 ở thôn R, xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc dựng ở ven đường bê tông, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. C quan sát xung quanh không thấy có ai rồi C đi đến vị trí chiếc xe mô tô ngồi lên xe, dùng tay phải mở

khóa điện rồi nổ máy phóng đi khi đến thị trấn Lập Thạch thì C dừng xe lại và mở cốp ra kiểm tra thì thấy bên trong cốp xe có 01 chiếc ví màu nâu, bên trong ví có: 600.000đ, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 thẻ ngân hàng BIDV đều mang tên Lê Văn T2 và 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 88K8 – 3383, C đút chiếc ví vào túi áo rồi tiếp tục điều khiển chiếc xe mô tô trên đi đến nhà anh Trần Quốc T3, sinh năm 1976 ở xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, khi đến nơi C nói với anh T3 “xe cháu không sử dụng đến, chú xem mua thì cháu bán”, do tin tưởng C và xe có giấy tờ nên anh T3 đồng ý mua với giá 5.000.000đ . Sau đó C bắt xe taxi đi đến thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc để chơi. Cùng ngày, anh Lê Văn T2 làm đơn trình báo cơ quan công an xã X, Cơ quan điều tra công an huyện LT tiến hành triệu tập C lên làm việc và thu giữ toàn bộ vật chứng có liên quan, tại Cơ quan điều tra C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 08/4/2024, Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện LT ra Bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG kết luận: *Trị giá của chiếc xe mô tô BKS: 88K8-3383 là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).*

Quá trình làm việc anh Trần Quốc T3 đã tự nguyện giao nộp 02 chiếc xe mô tô (01 xe BKS: 88K8-3383 và 01 xe BKS: 88D1-196.32) cùng 01 giấy đăng ký xe và 01 giấy bán xe lập ngày 06/4/2024. Anh Vũ Tiến D đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô Sirius, BKS: 59D1-801.86 và 01 giấy mua bán xe lập ngày 01/4/2024 để phục vụ công tác điều tra.

Đối với anh Trần Quốc T3 và anh Vũ Tiến D là những người mua xe của C. Quá trình điều tra xác định khi bán xe máy C nói là xe của C nên anh T3 và anh D không biết số tài sản trên là tài sản do C trộm cắp mà có. Khi Cơ quan Công an làm việc, anh T3 và anh D mới biết số tài sản nêu trên là tài sản do Chính trộm cắp mà có nên đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an phục vụ điều tra. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh T3 và anh D là có căn cứ.

* Về vật chứng thu giữ:

- Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS: 88K8-3383, 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 003959, biển số đăng ký: 88K8-3383, 01 chiếc ví màu nâu, 01 căn cước công dân số 026079000864, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ ATM đều mang tên Lê Văn T2 và số tiền 600.000 đồng. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Lê Văn T2. Ngày 22/4/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại số tài sản trên cho anh T2 là đúng chủ sở hữu, anh T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu C phải bồi thường gì khác.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS: 59D1-801.86, 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 thẻ căn cước công dân số 026091001305, 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Lê Thanh T1. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Lê Thanh T1. Ngày 22/4/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại số tài sản trên cho anh T1 là đúng chủ sở hữu, anh T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu C phải bồi thường gì khác.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS: 88D1-196.32, nhãn hiệu: SYM, số loại: ELEGANT, màu sơn: Đen trắng, số khung: 10MHEH041161, số máy: VMSACEH041161, xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Trần Ngọc T, sinh năm 1971, trú tại thôn ĐK, xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 03/6/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho ông T là đúng chủ sở hữu, ông T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu C phải bồi thường gì khác.

- Đối với số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của C khi bắt khẩn cấp, quá trình điều tra xác định đây là số tiền của anh Trần Quốc T3, sinh năm 1977, trú tại xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, anh T3 sử dụng số tiền này để mua lại chiếc xe mô tô BKS: 88K8-3383 của C, khi mua xe C không nói và anh T3 cũng không biết chiếc xe mô tô này là do C trộm cắp mà có. Do vậy, ngày 22/4/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho anh T3 là đúng chủ sở hữu.

- Đối với 02 giấy bán xe, trong đó: 01 giấy bán xe lập ngày 06/4/2024 và 01 giấy mua bán xe lập ngày 01/4/2024 là tài liệu có giá trị chứng minh tội phạm nên cần lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với chiếc chìa khóa C nhặt được và dùng mở khóa để trộm cắp xe mô tô BKS 88D1-196.32 của ông T, trên đường đi bán xe do ổ khóa bị nhờn nên đã rơi mất, C không xác định được vị trí nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

* Về việc giải quyết dân sự:

Đối với số tiền 1.500.000 đồng là số tiền anh Trần Quốc T3 mua chiếc xe mô tô BKS: 88D1-196.32 của C, anh T3 không yêu cầu Chính phải trả lại số tiền trên.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng, là số tiền anh Vũ Tiến D mua chiếc xe mô tô BKS: 59D1 - 801.86 của C, anh D không yêu cầu C phải trả lại số tiền trên.

Đối với anh Lê Văn T2, anh Lê Thanh T1 và ông Trần Ngọc T đều đã nhận lại tài sản của mình nên không có yêu cầu, đề nghị gì với C.

Tại Cơ quan điều tra, Triệu Đức C đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKS-LT ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LT truy tố bị cáo Triệu Đức C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đề nghị tuyên bố bị cáo Triệu Đức C phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt Triệu Đức C từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/4/2024. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị hại ông Trần Ngọc T, anh Lê Thanh T1 và anh Lê Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai xác nhận đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Quốc T3, anh Vũ Tiến D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trước đó không yêu cầu C phải trả lại 1.500.000 đồng và 4.000.000 đồng là số tiền anh T3, anh Dũng mua xe mô tô của C.

Chính không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện LT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Triệu Đức C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với

các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Do cần tiền để tiêu sài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 23/3/2024 đến ngày 06/4/2024, Triệu Đức C, sinh năm 1998 ở thôn X, xã V, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc đã có 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện LT, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 23/3/2024 tại khu vực đường bê tông thuộc thôn Đ, xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, C đã trộm cắp của ông Trần Ngọc T, sinh năm 1971 ở thôn Đ, xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc 01 chiếc xe máy BKS: 88D1-196.32 trị giá 5.000.000đ. Sau đó C mang bán lấy tiền tiêu sài cá nhân hết.

Lần 2: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 01/4/2024, tại khu vực cửa quán internet M3 Gaming ở tổ dân phố T, thị trấn LT, C đã trộm cắp của anh Lê Thanh T1, sinh năm 1991 ở thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc 01 chiếc xe máy BKS: 59D1-801.86 trị giá 8.700.000đ. Sau đó C mang bán lấy tiền tiêu sài cá nhân hết.

Lần 3: Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 06/4/2024, tại đoạn đường bê tông liên thôn thuộc thôn R, xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, C đã trộm cắp của anh Lê Văn T2, sinh năm 1979 ở thôn R, xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Airblade, màu đỏ, BKS: 88K8 – 3383, trị giá 10.500.000đ và 600.000đ trong cốp xe cùng giấy tờ xe của anh T2. Sau đó, C mang bán xe được 5.000.000đ nhưng chưa kịp tiêu sài số tiền thì bị Công an huyện LT triệu tập, thu giữ số tiền 5.600.000đ và toàn bộ vật chứng liên quan.

Tổng số giá trị tài sản C trộm cắp là 24.800.000 đồng.

[3] Hành vi nêu trên của Triệu Đức C đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo có 01 tiền án, có 03 tiền sự; năm 2023 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện LT xử phạt về tội trộm cắp tài sản ngày 09/01/2021 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, tiếp tục có hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử lý nghiêm trước pháp luật, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục là cần thiết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản, vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS: 88K8-3383, 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 003959, biển số đăng ký: 88K8-3383, 01 chiếc ví màu nâu, 01 căn cước công dân số 026079000864, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ ATM đều mang tên Lê Văn T2 và số tiền 600.000 đồng. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Lê Văn T2. Anh T2 đã nhận lại các tài sản nêu trên và không có yêu cầu bồi thường hoặc yêu cầu gì khác, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS: 59D1-801.86, 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 thẻ căn cước công dân số 026091001305, 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Lê Thanh T1. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Lê Thanh T1. Anh T1 đã nhận lại các tài sản và không có yêu cầu bồi thường hoặc yêu cầu gì khác, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS: 88D1-196.32, nhãn hiệu: SYM, số loại: ELEGANT, màu sơn: Đen trắng, số khung: 10MHEH041161, số máy: VMSACEH041161, xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Trần Ngọc T. Ông T đã nhận lại các tài sản và không có yêu cầu bồi thường hoặc yêu cầu gì khác, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của C khi bắt khẩn cấp, quá trình điều tra xác định đây là số tiền của anh Trần Quốc T3, anh T3 sử dụng số tiền này để mua lại chiếc xe mô tô BKS: 88K8-3383 của C. Anh T3 đã nhận lại số tiền trên và không có yêu cầu bồi thường hoặc yêu cầu gì khác, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với 02 giấy bán xe, trong đó: 01 giấy bán xe lập ngày 06/4/2024 và 01 giấy mua bán xe lập ngày 01/4/2024 là tài liệu có giá trị chứng minh tội phạm nên cần lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với chiếc chìa khóa C nhặt được và dùng mở khóa để trộm cắp xe mô tô BKS 88D1-196.32 của ông T, trên đường đi bán xe do ổ khóa bị nhòn nên đã rơi mất, C không xác định được vị trí nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng là số tiền anh Trần Quốc T3 mua chiếc xe mô tô BKS: 88D1-196.32 của C, anh T3 không yêu cầu Chính phải trả lại số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Đối với số tiền 4.000.000 đồng, là số tiền anh Vũ Tiến D mua chiếc xe mô tô BKS: 59D1 - 801.86 của C, anh D không yêu cầu C phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[7] Về án phí: Bị cáo Triệu Đức C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Triệu Đức C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Đức C 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 06/4/2024.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Triệu Đức C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện LT;
- Cơ quan CSĐT CA huyện LT;
- Cơ quan THAHS CA huyện LT;
- Nhà tạm giữ CA huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- UBND xã V, huyện LT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS,VP, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân

